

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật đất đai, đo đạc và bản đồ đối với Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai tại thành phố Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 2141/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai, đo đạc và bản đồ đối với Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai (viết tắt là Dự án VLAP) tại thành phố Hà Nội. Từ ngày 07 tháng 9 đến ngày 30 tháng 10 năm 2015, Đoàn thanh tra thực hiện thanh tra tại Ban quản lý Dự án VLAP thành phố Hà Nội và các tổ chức, cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Trưởng Đoàn thanh tra và ý kiến giải trình của: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, Ban quản lý Dự án VLAP thành phố Hà Nội (viết tắt là BQL), Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng và Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa,

Bộ Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Thành phố Hà Nội là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của cả nước; có tổng diện tích tự nhiên là 332.889 ha, trong đó (đất nông nghiệp 188.365 ha, đất phi nông nghiệp 135.193 ha và đất chưa sử dụng 9.331 ha); Thành phố có 30 đơn vị hành chính cấp huyện, 577 đơn vị hành chính cấp xã; dân số hiện nay hơn 7 triệu người.

Thành phố Hà Nội là một trong 09 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước được Chính phủ phê duyệt đầu tư thực hiện Dự án VLAP sử dụng vốn vay của Ngân hàng thế giới và nguồn vốn đối ứng của Thành phố. Dự án được triển khai từ tháng 7 năm 2008 trên địa bàn 66 xã, thị trấn thuộc 03 huyện: Đan Phượng, Quốc Oai và Ứng Hòa; Dự án có 10 gói thầu dịch vụ kỹ thuật do 08 đơn vị thi công (Nhà thầu), tương ứng với 10 Hợp đồng tư vấn, giám sát do 04 đơn vị tư vấn tham gia. Quá trình thực hiện, BQL (là cơ quan đại diện Chủ đầu tư) đã ký 10 Hợp đồng để thực hiện 10 gói dịch vụ kỹ thuật về đo đạc, hoàn thiện bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, chuẩn bị hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (viết tắt là GCN), kết quả thực hiện (chi tiết tại Phụ lục số 01,02 kèm theo) như sau:

- Tổng diện tích đo đạc bản đồ địa chính là 36.118,2 ha/37.756,2 ha (đạt 95,66%).

- Kê khai đăng ký 404.481/454.480 thửa đất cần phải kê khai đăng ký, đạt 89%.

- Số GCN đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân là 261.887 giấy, đạt 79,1% so với số hồ sơ đủ điều kiện, đạt 64, 74% so với tổng số hồ sơ đã kê khai đăng ký.

- Tỷ lệ trao GCN đạt 86,24% so với số GCN đã ký.

Cùng với việc thực hiện các gói thầu dịch vụ kỹ thuật, BQL đã ký 01 Hợp đồng tích hợp cơ sở dữ liệu địa chính, 06 Hợp đồng mua sắm hàng hóa và xây lắp; đến nay tất cả các gói thầu của Dự án đã được kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm hoàn thành và đang hoàn tất thủ tục thanh quyết toán để đóng thầu đúng tiến độ quy định.

B. KẾT QUẢ THANH TRA DỰ ÁN

I. Về việc chấp hành các quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ

Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm của cấp đơn vị thi công và của cấp Chủ đầu tư hiện đã được đóng gói, bàn giao tại BQL thuộc 05 gói thầu dịch vụ kỹ thuật (tỷ lệ kiểm tra đạt 50%), gồm: gói thầu HN-T-003.1 do Tổng công ty Tài nguyên và môi trường Việt Nam thực hiện và gói thầu HN-T-003.2 do Công ty Công nghệ tin học và Trắc địa bản đồ Sông Châu thực hiện (tại huyện Đan Phượng); gói thầu HN-T-003.3 do Công ty Tư vấn triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ địa chất thực hiện, gói thầu HN-T-003.4 do Liên danh Công ty cổ phần Phát triển công nghệ đo đạc bản đồ và Công ty cổ phần SGM thực hiện và gói thầu HN-T-003.5 do Công ty cổ phần Thương mại và Công nghệ khảo sát thực hiện (tại huyện Quốc Oai). Kết quả cho thấy:

1. Đối với đơn vị thi công

1.1. Về ưu điểm

Công tác kiểm tra, quản lý chất lượng công trình sản phẩm của đơn vị thi công thực hiện theo từng công đoạn; hồ sơ kiểm tra nghiệm thu lập đầy đủ, đúng quy định; các sai sót trong quá trình thi công đã được sửa chữa; sản phẩm hoàn thành của các gói thầu tại huyện Ứng Hòa, Đan Phượng về đo đạc bản đồ được xác nhận đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy phạm, Thiết kế kỹ thuật- dự toán và được bàn giao 03 cấp để quản lý.

1.2. Về tồn tại

- Công ty cổ phần Thương mại và Công nghệ khảo sát thi công gói thầu HN-T-003.5 chưa thực hiện đúng Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt là vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 30/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động Đo đạc và Bản đồ. Tuy nhiên, mức độ vi phạm không lớn và đơn vị thi công đã khắc phục sửa chữa nên không xử lý vi phạm hành chính.

- Liên danh Công ty cổ phần Phát triển công nghệ đo đạc bản đồ và Công ty cổ phần SGM thi công gói thầu HN-T-003.4 (tại 7 xã huyện Quốc Oai) chưa khớp nối hoàn chỉnh về cơ sở dữ liệu địa chính theo Hợp đồng đã ký kết.

- Công ty Tư vấn triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ địa chất thi công gói thầu HN-T-003.3 (tại 9 xã huyện Quốc Oai) chậm tiến độ 30 tháng so với Hợp đồng nên phải gia hạn nhiều lần; kết quả đến thời điểm thanh tra mới nghiệm thu xong bản đồ địa chính phần ngoại nghiệp để giao cho các xã tổ chức kê khai đăng ký; hiện mới kê khai đăng ký được 23.972/44.441 thửa đất cần phải kê khai đăng ký (đạt 53,94%), số GCN đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân là 2.598 giấy (đạt 10,83%) so với tổng số hồ sơ đã kê khai đăng ký.

2. Đối với các đơn vị tư vấn, giám sát

Qua kiểm tra Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm của 04 đơn vị tư vấn thực hiện hợp đồng tư vấn, giám sát cho Chủ đầu tư tại 07 gói thầu dịch vụ kỹ thuật, đối với: Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam thực hiện tư vấn gói HN-T-003.3, HN-T-003.4 và HN-T-003.5; Trung tâm Kỹ thuật công nghệ địa chính tư vấn gói HN-T-004.1, gói HN-T-004.2, Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm địa chính (nay là Trung tâm Định giá đất và Kiểm định địa chính) tư vấn gói HN-T-004.4 thuộc Tổng cục Quản lý đất đai và Trung tâm Viễn thám địa tin học thuộc Cục Viễn thám quốc gia tư vấn, giám sát gói HN-T-003.1 và gói HN-T-004.5. Kết quả cho thấy:

2.1. Về ưu điểm

Thực hiện công việc giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu theo từng công đoạn và hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu được xác lập đầy đủ, đúng quy định.

2.2. Về tồn tại

- Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ tư vấn, giám sát gói thầu HN-T-003.3, HN-T-003.4 và HN-T-003.5 chưa kịp thời tư vấn cho Chủ đầu tư xử lý về khối lượng phát sinh trong quá trình thi công là không đúng quy định tại Khoản 1.9 Mục 1 Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000 ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là Quy phạm 08).

- Trung tâm Viễn thám địa tin học thực hiện kiểm tra, nghiệm thu gói thầu HN-T-003.1 và gói HN-T-004.5 kiểm tra không đầy đủ các hạng mục và mức kiểm tra theo quy định tại phụ lục I Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các đơn vị tư vấn: Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và Bản đồ, Trung tâm Viễn thám địa tin học, Trung tâm Định giá đất và Kiểm định địa chính và Trung tâm Kỹ thuật công nghệ địa chính chưa theo dõi, kiểm tra chặt chẽ đơn vị thi công về việc thực hiện quy trình, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật trong đo đạc bản đồ, đăng ký cấp GCN; chưa điều chỉnh kế hoạch để kiểm tra thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính đối với các gói thầu được gia hạn hoặc có phát sinh về khối lượng cho phù hợp với tiến độ thi công và kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu của đơn vị thi công là không thực hiện đúng quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 Mục II

Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đối với Chủ đầu tư

3.1. Về ưu điểm

Sở Tài nguyên và Môi trường, BQL đã chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, kiện toàn bộ máy tổ chức; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ (chi tiết có Phụ lục số 03 kèm theo) và giải quyết các phát sinh, vướng mắc ở cơ sở; hoàn thành trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Dự án theo quy định tại Văn kiện Dự án và Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án.

3.2. Về tồn tại

- Không lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật - dự toán đối với 02 xã Phú Cát và Hòa Thạch, huyện Quốc Oai cho phù hợp với thực tế (theo Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt thì phần diện tích đất khu vực dân cư là phải thực hiện đo đạc chỉnh lý, biên tập lại bản đồ địa chính, nhưng thực tế lại đo mới bản đồ địa chính) là chưa thực hiện đúng quy định tại Khoản 1.9 Mục 1 Quy phạm 08 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chưa có biện pháp xử lý kịp thời những vướng mắc, tồn tại đối với các đơn vị thi công những gói thầu dịch vụ kỹ thuật theo nội dung đã cam kết tại Hợp đồng như: Việc thi công chậm tiến độ, chưa bàn giao đủ sản phẩm công trình, chưa cập nhật đầy đủ CSDL địa chính của Công ty Tư vấn triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ địa chất thi công gói thầu HN-T-003.3 và việc chưa thực hiện đúng Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt của Công ty cổ phần Thương mại và Công nghệ khảo sát như đã nêu trên.

II. Về việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai trong cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân

Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra 1.753/6.337 hồ sơ đủ điều kiện cấp mới GCN về đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân (tỉ lệ kiểm tra đạt 27,66%) tại 21/66 xã, thị trấn thuộc huyện Đan Phượng, Ứng Hòa và Quốc Oai. Kết quả cho thấy những tồn tại như sau:

1. Tại huyện Đan Phượng

Qua kiểm tra 1.082/1082 hồ sơ đủ điều kiện về cấp mới GCN đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc 10 xã: Hồng Hà, Tân Hội, Thọ An, Thọ Xuân, Hạ Mỗ, Thượng Mỗ, Trung Châu, Phương Đình, Song Phượng và xã Đan Phượng. Kết quả cho thấy còn những tồn tại như sau:

- Có 10/10 xã được kiểm tra không có Sổ tiếp nhận hồ sơ; có 47/1082 hồ sơ (chiếm 4,34% hồ sơ được kiểm tra) thuộc các xã Hồng Hà, Tân Hội, Thọ An, Thọ Xuân, Hạ Mỗ, Thượng Mỗ, Trung Châu, Phương Đình, Song Phượng và xã Đan Phượng khi xét cấp GCN cho người sử dụng đất nợ các giấy tờ về quyền sử dụng đất là không thực hiện đúng quy định tại Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có 13/1082 hồ sơ cấp GCN lần đầu (chiếm 1,2% hồ sơ được kiểm tra) cho hộ gia đình, cá nhân tại xã Thọ Xuân trong GCN ghi thời hạn sử dụng đất nông nghiệp năm 2013 là không đúng mà phải ghi đến ngày 01 tháng 7 năm 2064 theo quy định tại Khoản 4 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013 (chi tiết có Phụ lục số 04 kèm theo).

2. Tại huyện Quốc Oai

Qua kiểm tra 101/1737 hồ sơ (chiếm 5,81%) đủ điều kiện về cấp mới GCN đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc 06/21 xã, thị trấn: Xã Ngọc Mỹ, Đại Thành, Phù Cát, Đông Yên, Tuyết Nghĩa và thị trấn Quốc Oai. Kết quả cho thấy còn những tồn tại như sau:

- Có 07/101 hồ sơ cấp GCN (chiếm 6,93% hồ sơ được kiểm tra) cho hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn Quốc Oai đang sử dụng đất có nhà ở từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 chỉ công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức giao đất ở (120 m²/hộ) mà không xác định theo hạn mức công nhận đất ở (200 m²/hộ) là không đúng quy định tại Khoản 5 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 4 Điều 4 Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo).

- Có 11/101 hồ sơ cấp GCN lần đầu (chiếm 10,89% hồ sơ được kiểm tra) cho hộ gia đình, cá nhân tại xã Đại Thành xác định thời hạn sử dụng đất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 10 năm 2043 là không đúng mà phải ghi đến ngày 01 tháng 7 năm 2064 theo quy định tại Khoản 4 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013 (chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo).

3. Tại huyện Ứng Hòa

Qua kiểm tra 570/3.264 hồ sơ (chiếm 17,46%) đủ điều kiện cấp mới GCN về đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân (thị trấn Vân Đình 132/301 hồ sơ; xã Hòa Phú 126/410 hồ sơ; Phù Lưu 93/403 hồ sơ; Hoa Sơn 119/797 hồ sơ và xã Kim Đường 100/1344 hồ sơ), kết quả cho thấy còn những tồn tại như sau:

- Có 24/119 Đơn xin cấp GCN (chiếm 20,16% hồ sơ được kiểm tra) tại xã Hoa Sơn, Ủy ban nhân dân xã không xác định rõ về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai đối với những trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1,2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 là không thực hiện đúng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ.

- Có 66/570 hồ sơ cấp GCN (chiếm 11,57% hồ sơ được kiểm tra) tại: Thị trấn Vân Đình 13 hồ sơ, xã Hoa Sơn 53 hồ sơ, với diện tích 18.465,2 m² đất ở cấp cho người được nhận tặng, cho quyền sử dụng đất trong khi người tặng, cho chưa được cấp GCN là không đúng về thủ tục theo quy định tại Khoản 1 Điều 66 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ.

- Có 40/570 hồ sơ (chiếm 7,01% hồ sơ được kiểm tra), với diện tích 16.697,2 m² đất ở cấp GCN lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân tại xã Hoa Sơn, Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa căn cứ vào bản đồ đo đạc năm 1984 (không có Sổ mục kê) và Sổ mục kê lập theo bản đồ đo đạc năm 2001, không thu tiền sử dụng đất mà không lấy Phiếu ý kiến khu dân cư để xác định thời điểm sử dụng đất

thực tế theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo).

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

- Ban chỉ đạo Dự án VLAP Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án; sản phẩm về đo đạc bản đồ địa chính của các gói thầu dịch vụ kỹ thuật được kiểm tra tại huyện Ứng Hòa và Đan Phượng đạt yêu cầu, đáp ứng quy định của Hợp đồng và quy trình, quy phạm đo vẽ bản đồ địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- BQL đã tiến hành kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm của từng công đoạn; kiểm tra nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm hoàn thành của các gói thầu dịch vụ kỹ thuật cùng với các gói thầu tư vấn, giám sát tương ứng và thực hiện đầy đủ các quy định về mời thầu, đấu thầu, phê duyệt kết quả đấu thầu và quản lý hợp đồng đối với các gói thầu theo quy định.

- Ủy Ban nhân dân các huyện Đan Phượng, Quốc Oai và Ứng Hòa đã tập trung chỉ đạo cả hệ thống chính trị vào cuộc cho công tác cấp GCN của Dự án; quá trình thực hiện đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai và Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa đã hoàn thành nhiệm vụ cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân ở địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế

2.1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Dự án

Công tác chỉ đạo, điều hành chưa kịp thời để xử lý những sai sót tồn tại, kiến nghị của các Nhà thầu và đơn vị tư vấn trong quá trình thực hiện dự án, nhất là các gói thầu dịch vụ kỹ thuật tại huyện Quốc Oai. Việc theo dõi, kiểm tra, thẩm định ở công đoạn cấp GCN chưa được chặt chẽ nên về thủ tục trong cấp GCN tại các huyện chưa đầy đủ và không thống nhất.

2.2. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện

- Đối với Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng và Ứng Hòa: Về trình tự, thủ tục đăng ký cấp GCN chưa thống nhất; việc xét duyệt cấp GCN, thủ tục công khai ở cấp xã và công tác thẩm định của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, viết tắt là Chi nhánh VPĐK) còn hình thức, thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

- Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai chưa chỉ đạo quyết liệt trong công tác đăng ký, cấp GCN làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của Dự án.

2.3. Đối với các Nhà thầu và đơn vị tư vấn, giám sát

- Công ty cổ phần Thương mại và Công nghệ khảo sát thi công gói thầu HN-T-003.5 chưa thực hiện đúng thiết kế kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Các Nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ kỹ thuật thuộc huyện Quốc Oai chậm thực hiện các yêu cầu của đơn vị tư vấn, giám sát và Chủ đầu tư.

- Các đơn vị tư vấn, giám sát chưa làm hết trách nhiệm trong kiểm tra, phát hiện, chỉ đạo khắc phục sai sót và chưa báo cáo kịp thời để chủ Dự án có giải pháp chỉ đạo thực hiện.

- Công tác chuẩn bị, tiếp nhận, phân loại hồ sơ và kê khai đăng ký cấp GCN của các đơn vị thi công thực hiện chưa tốt dẫn đến kết quả cấp GCN tại các huyện còn thấp so với Thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt.

II. Kiến nghị

1. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban chỉ đạo Dự án VLAP thành phố Hà Nội

- Chỉ đạo, chấn chỉnh Sở Tài nguyên và Môi trường, BQL rút kinh nghiệm về những tồn tại, khuyết điểm nêu trên và có biện pháp khắc phục kịp thời; bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để thực hiện đóng thầu Dự án theo quy định.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện Đan Phượng, Quốc Oai, Ứng Hòa: Hoàn thiện các công việc còn tồn đọng của Dự án và khối lượng công việc đang thực hiện theo chương trình “dồn điền đổi thửa” để phát huy hiệu quả của Dự án.

- Chỉ đạo kiểm điểm trách nhiệm và có biện pháp xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục mở rộng các chức năng liên thông chia sẻ dữ liệu với các ngành; hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống hồ sơ địa chính và chuyên dân các hoạt động đăng ký, giao dịch trong lĩnh vực đất đai sang giao dịch điện tử, nâng cấp hệ thống kho lưu trữ đáp ứng nhu cầu thực tế tại các Chi nhánh VPĐK.

2. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội

- Chỉ đạo các Nhà thầu, đơn vị có liên quan khắc phục các tồn tại, vi phạm đã được phát hiện; giám sát việc thực hiện khắc phục của các Nhà thầu, xử lý vi phạm theo quy định.

- Ban hành quy chế vận hành hệ thống thông tin đất đai, đảm bảo cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu địa chính trên phạm vi 03 huyện có dự án.

- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh VPĐK các huyện thực hiện rà soát, bổ sung hoàn thiện đầy đủ hồ sơ cấp GCN thuộc dự án và xử lý các tồn tại, vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện

Tiếp tục thực hiện cấp GCN đối với hồ sơ tồn đọng; hoàn thiện khối lượng công việc còn lại của dự án; bổ sung đầy đủ hồ sơ cấp GCN còn thiếu; rút kinh nghiệm về việc không thực hiện đúng trình tự, thủ tục khi cấp GCN nêu trên và thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

- Đối với Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng: Điều chỉnh lại thời hạn sử dụng đất nông nghiệp cho 13 hộ gia đình, cá nhân tại xã Thọ Xuân theo quy định; bổ sung các giấy tờ về quyền sử dụng đất cho nợ của 47 hồ sơ nêu trên.

- Đối với Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai: Xác định lại diện tích đất ở của 07 GCN đã cấp cho các hộ tại thị trấn Quốc Oai theo hạn mức công nhận đất ở; điều chỉnh lại thời hạn sử dụng đất nông nghiệp cho 11 hộ gia đình, cá nhân tại xã Đại Thành theo quy định.

- Đối với Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa:

+ Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức rút kinh nghiệm trong việc cấp GCN cho 66 hộ gia đình, cá nhân được nhận tặng, cho quyền sử dụng đất trong khi người tặng, cho chưa được cấp GCN.

+ Kiểm tra, rà soát lại 40 hồ sơ đã được cấp GCN tại xã Hoa Sơn nêu trên để xác định thời điểm sử dụng đất thực tế và xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các nhà thầu, đơn vị tư vấn, giám sát

- Yêu cầu các nhà thầu, đơn vị tư vấn, giám sát nghiêm túc thực hiện các kiến nghị và khắc phục tồn tại, hạn chế đã nêu trên.

- Phối hợp với Chi nhánh VPĐK các huyện khác phục, sửa chữa ngay những tồn tại đã được phát hiện qua thanh tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm hoàn thành theo nội dung Hợp đồng đã ký kết.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan và các tổ chức được thanh tra thực hiện nghiêm túc Kết luận này và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 4 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- BQL Dự án VLAP cấp TW;
- UBND thành phố Hà Nội;
- BCĐ Dự án VLAP TP. Hà Nội;
- Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hà Nội;
- BQL Dự án VLAP TP. Hà Nội;
- UBND các huyện: Đan Phượng, Ứng Hòa, Quốc Oai;
- Lưu: VT, TTr, HS.

Qu *R*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Chu Phạm Ngọc Hiền

Phụ lục số 01:

**KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, LẬP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, CẤP GCN CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
TẠI DỰ ÁN VLAP HÀ NỘI**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 454 /KLTr-BTNMT ngày 22/02/2016)

STT	Huyện	DT đo đạc đã thực hiện (ha)	Số hồ sơ thực tế cần đăng ký	Số HS đăng ký cấp GCN đã lập	Số hồ sơ đã xét duyệt										Số hồ sơ không đủ điều kiện
					Số hồ sơ đủ điều kiện										
					Đất ở kết hợp với đất nông nghiệp					Đất nông nghiệp và chuyên dùng					
					Tổng số HS	Đã in GCN	Đã ký GCN	GCN đã trao	GCN chưa trao	Tổng số HS	Đã in GCN	Đã ký GCN	GCN đã trao	GCN chưa trao	
1	Đan Phượng	7.589	120.383	100.091	12.046	12.046	12.046	12.046		49.582	49.582	49.582	49.582		38.463
2	Quốc Oai	9.875,22	111356	96.354,00	8.691	8.691	8.691	5.581	3.110	12.039	12.039	12.039	8.546	3.493	36.436
3	Ứng Hòa	15.379,90	217952	167.527,00	102.594	102.594	102.594	90.937	4.791	76.935	76.935	76.935	57.218		23.930
	Tổng cộng	32.844	449.691	363.972	123.331	123.331	123.331	108.564	7.901	138.556	138.556	138.556	115.346	3.493	98.829

Phụ lục số 02:

KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ CẤP GCN CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TẠI DỰ ÁN VLAP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 454 /KLTr-BTNMT ngày 22 / 02/2016)

STT	Tên huyện	Số hồ sơ cần đăng ký cấp GCN	Số hồ sơ đăng ký cấp GCN đã lập	Số hồ sơ đăng ký đã xét duyệt	Số hồ sơ đã xét duyệt					
					Số hồ sơ đủ điều kiện				Số GCN cấp lại	Số hồ sơ không đủ điều kiện
					Cấp mới		Cấp đổi			
					Đã in GCN	Đã trao GCN	Đã in GCN	Đã trao GCN		
I	Huyện Đan Phượng	120.383	110.081	100.091	19.054	19.054	42.574	37.765	0	38.463
1	HN-T-003.1	64.914	59.005	49.015	6.331	6.331	21.585	21.585		21.099
2	HN-T-003.2	55.469	51.076	51.076	12.723	12.723	20.989	16.180		17.364
II	Huyện Quốc Oai	111.356	79.924	57.166	7.547	7.547	13.183	7.346	0	36.436
1	HN-T-003.3	44.441	23.972	2.598	278	278	2.320	1.449		0
2	HN-T-003.4	15.627	24.031	6.116	196	196	3.115	1.732		2.805
3	HN-T-003.5	51.288	31.921	48.452	7.073	7.073	7.748	4.165		33.631
III	Huyện Ứng Hòa	217.952	204.498	161.102	16.174	16.174	163.355	161.164	0	23.930
1	HN-T-004.1	45.320	38.042	136	4.028	4.028	28.355	28.355		5.659
2	HN-T-004.2	47.808	42.923	42.943	2033	2.033	34.138	34.138		6.772
3	HN-T-004.3	36.527	32.759	31.700	1.975	1.975	24.608	24.608		5.117
4	HN-T-004.4	53.315	51.341	51.341	5.384	5.384	44.026	41.835		1.931
5	HN-T-004.5	34.982	39.433	34.982	2.754	2.754	32.228	32.228		4.451
	Tổng cộng	449.691	394.503	318.359	42.775	42.775	219.112	206.275		98.829

**Phụ lục số 03: Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để chỉ đạo điều hành để thực hiện
Dự án VLAP tại thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 454 /KLTr-BTNMT ngày 22 / 02/2016)

STT	Nội dung văn bản	Cơ quan ban hành		
		Số văn bản	Ngày tháng năm	Cơ quan ban hành
1	Về việc thành lập Ban chỉ đạo dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (dự án VLAP) thành phố Hà Nội	525/QĐ-UBND	09/03/2008	UBND thành phố Hà Nội
2	Về việc thành lập ban chỉ đạo dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam tỉnh Hà Tây	200/QĐ-UBND	03/12/2008	UBND tỉnh Hà Tây
3	Về việc điều chỉnh bổ sung nội dung Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 12/3/2008 của UBND tỉnh Hà Tây	1447/QĐ-UBND	30/5/2008	UBND tỉnh Hà Tây
4	Về việc thành lập Ban quản lý dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (VLAP) thành phố Hà Nội	526/QĐ-UBND	09/03/2008	UBND thành phố Hà Nội
5	Về việc điều chỉnh bổ sung một số điều tại quyết định 526/QĐ-UBND	2749/QĐ-UBND	24/1/2008	UBND thành phố Hà Nội
6	Về việc điều chỉnh bổ sung một số điều tại quyết định 2749/QĐ-UBND	3112/QĐ-UBND	23/6/2009	UBND thành phố Hà Nội
7	Về việc điều chỉnh bổ sung một số điều tại quyết định 3112/QĐ-UBND	4490/QĐ-UBND	14/9/2010	UBND thành phố Hà Nội

8	Về việc điều chỉnh bổ sung một số điều tại quyết định 4490/QĐ-UBND	3056/QĐ-UBND	07/10/2012	UBND thành phố Hà Nội
9	Quyết định số 117/2009 QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND Thành phố về việc: ban hành quy định về cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam trên địa bàn Hà Nội	117/2009 QĐ-UBND	01/12/2009	UBND thành phố Hà Nội
10	Quyết định số 18/2010/ QĐ UBND ngày 10/5/2010 của UBND thành phố về việc: ban hành quy định về cấp giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho tổ chức trên địa bàn thành phố Hà Nội	18/2010/ QĐ UBND	10/05/2010	UBND thành phố Hà Nội
11	Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND thành phố Hà Nội về hạn mức giao đất ở mới; hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất trong khu dân cư có đất ở và đất vườn, ao liền kề; kích thước, diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội	19/2012/QĐ-UBND	08/08/2012	UBND thành phố Hà Nội

**Phụ lục số 04: DANH SÁCH 13 HỘ CẤP GCN XÁC ĐỊNH KHÔNG ĐÚNG THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT
NÔNG NGHIỆP TẠI XÃ THỌ XUÂN - HUYỆN ĐAN PHƯỢNG**
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 454 /KLTr-BTNMT ngày 22 / 02/2016)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Mục đích sử dụng trong GCN (m ²)		Thời hạn ghi trên GCN đã cấp	Đề nghị điều chỉnh lại thời hạn sử dụng đất nông nghiệp
			ONT	CLN		
1	Trần Văn Hương	Cụm 10, xã Thọ Xuân	110.0	75.3	Đến năm 2013	01/07/2064
2	Trần Văn Huynh Phan Thị Thức	Cụm 7, xã Thọ Xuân	203.0	168.0	Đến năm 2013	01/07/2064
3	Trần Thị Trang Lê Quang Khải	Cụm 1, xã Thọ Xuân	183.5	72.0	Đến năm 2013	01/07/2064
4	Hoàng Thị Tầm	Cụm 4, xã Thọ Xuân	63.4	120.0	Đến năm 2013	01/07/2064
5	Lê Văn Tiến Trần Thị Hậu	Cụm 4, xã Thọ Xuân	146.3	100.0	Đến năm 2013	01/07/2064
6	Trần Thị Diễm	Cụm 9, xã Thọ Xuân	174.8	72	Đến năm 2013	01/07/2064
7	Trần Thị Phương	Cụm 9, xã Thọ Xuân	689.2	72.0	Đến năm 2013	01/07/2064
8	Trần Văn Phùng	Cụm 10, xã Thọ Xuân	80.0	49.7	Đến năm 2013	01/07/2064
9	Trần Hồng Nhi	Cụm 1, xã Thọ Xuân	453.7	72.0	Đến năm 2013	01/07/2064

	Trần Thị Bôn					
10	Lê Thị Tuất	Cụm 7, xã Thọ Xuân	96.0	153.2	Đến năm 2013	01/07/2064
11	Trần Đình Môn Trần Thị Ánh	Cụm 5, xã Thọ Xuân	135.5	60.0	Đến năm 2013	01/07/2064
12	Trần Đình Thạch Đoàn Thị Nhung	Cụm 5, xã Thọ Xuân	134.1	60.0	Đến năm 2013	01/07/2064
13	Trần Đình Toàn	Cụm 5, xã Thọ Xuân	134.2	60.0	Đến năm 2013	01/07/2064

**Phụ lục số 05: DANH SÁCH 07 HỘ CẤP GCN THEO HẠN MỨC ĐẤT Ở TẠI
THỊ TRẤN QUỐC OAI - HUYỆN QUỐC OAI**
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 454 /KLTr-BTNMT ngày 22 / 02 / 2016)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Số liệu cấp GCN			MĐSD		Số phát hành	Số vào sổ
			Tờ ĐĐ	Số thửa	Diện tích cấp mới (m ²)	ODT (m ²)	CLN (m ²)		
1	Nguyễn Đình Nờ	Thôn Đình Tổ	55	47	181,0	120,0	51,0	BT685865	CH02778
2	Trần Thị Minh	Thôn Đình Tổ	55	141	154,0	120,0	34,0	BT685862	CH02776
3	Tạ Đình Hoa	Thôn Ngô Sài	37	287	134,2	120,0	14,2	BT685864	CH02778
4	Tạ Thê Thạch	Thôn Ngô Sài	38	174	135,5	120,0	15,5	BT685855	CH02769
5	Tạ Thị Chinh	Thôn Ngô Sài	38	211	149,2	120,0	29,2	BT685859	CH02773
6	Nguyễn Thị Tiêng	Thôn Du Nghệ	45	101	201,9	120,0	81,9	BT685860	CH02774
7	Đào Xuân Quang	Thôn Du Nghệ	45	18	332,2	120,0	212,2	BT 685861	CH02775

**Phụ lục số 06: DANH SÁCH 11 HỘ CẤP GCN XÁC ĐỊNH KHÔNG ĐÚNG THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT
NÔNG NGHIỆP TẠI XÃ ĐẠI THÀNH - HUYỆN QUỐC OAI**
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 4154 /KLTr-BTNMT ngày 22 / 02/2016)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Mục đích sử dụng		Số phát hành GCN	Thời hạn ghi trên GCN	Đề nghị điều chỉnh lại thời hạn sử dụng đất NN
			ONT (m ²)	CLN (m ²)			
1	Nguyễn Tiến Mai	Thôn Độ Chàng, xã Đại Thành	300	50,3	BP 706885	15/10/2043	01/07/2064
2	Đinh Thị Vụ	Thôn Đại Tảo, xã Đại Thành	300	139,7	BT597011	15/10/2043	01/07/2064
3	Nguyễn Văn Đô Trần Thị Hoa	Thôn Đại Tảo, xã Đại Thành	300	280,2	BP706973	15/10/2043	01/07/2064
4	Nguyễn Văn Hiến Nguyễn Thị Liên	Thôn Tinh Lam, xã Đại Thành	300	79,4	BP706849	15/10/2043	01/07/2064
5	Trần Văn Vui	Thôn Tinh Lam, xã Đại Thành	300	85,1	BP706958	15/10/2043	01/07/2064
6	Nguyễn Văn Lự Nguyễn Thị Gái	Thôn Tinh Lam, xã Đại Thành	300	365,4	BP706879	15/10/2043	01/07/2064
7	Lê Văn Yên Đinh Thị Thiêng	Thôn Tinh Lam, xã Đại Thành	300	143,5	BP706963	15/10/2043	01/07/2064
8	Nguyễn Thị Đức	Thôn Độ Chàng, xã Đại Thành	300	448,2	BP706843	15/10/2043	01/07/2064
9	Nguyễn Văn Hùng Nguyễn Thị Huế	Thôn Độ Chàng, xã Đại Thành	300	136,4	BP706864	15/10/2043	01/07/2064
10	Nguyễn Thị Mỹ	Thôn Đại Tảo, xã Đại Thành	300	112,4	BP706989	15/10/2043	01/07/2064
11	Đinh Thị Khích	Thôn Đại Tảo, xã Đại Thành	300	349,2	BT597032	15/10/2043	01/07/2064

Phụ lục số 07:

**DANH SÁCH 40 HỒ SƠ CẤP GCN THIẾU VỀ THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH TẠI XÃ HOA SƠN - HUYỆN ỨNG HÒA**
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 454 /KLTTTr-BTNMT ngày 22/02/2016)

TT	Họ tên	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất ở đã cấp GCN (m ²)
1	2	3	4	5
1	Vũ Thị Sang	26	608	368,1
2	Lưu Văn Tuấn	32	247	316,6
3	Nguyễn Công Tùng	32	490	368,5
4	Mai Quang Toà	32	569	422,8
5	Nguyễn Đức Hoà	33	317	800,4
6	Nguyễn Văn Bình	17	184	349,6
7	Nguyễn Bá ánh	19	350	425,7
8	Nguyễn Thị Thanh	26	545	425,9
9	Lê Mỹ Cát	32	94	671,8
10	Nguyễn Duy Chè	32	208	350,9
11	Nguyễn Trọng Bảo	32	348	338,8
12	Nguyễn Viết Hưng	19	383	447,0
13	Nghiêm Đình Phú	19	407	395,9
14	Nghiêm Bá Mạc	19	540	369,3
15	Nghiêm Bá Đình	20	396	541,7
16	Vũ Viết Tựu	26	659	524,9
17	Nguyễn Bá Vượng	32	321	334,5
18	Nguyễn Đắc Lượng	26	749	563,1
19	Nguyễn Thị Nhự	32	386	388,6
20	Mai Thị Phương	32	424	337,3
21	Nguyễn Hữu Vọng	33	396	445,1
22	Lưu Quang Vinh	33	523	351,0
23	Nguyễn Huy Hiệu	26	600	344,9
24	Nguyễn Đắc Thuận	26	470	715,2
25	Nguyễn Đắc Nghinh	32	422	435,1
26	Nguyễn Đắc Chi	26	504	560,2
27	Nguyễn Đắc Thắng	26	690	312,4
28	Nguyễn Bồng Đạt	32	21	317,7
29	Nguyễn Duy Giải	32	529	309,8
30	Nguyễn Hữu Mạnh	33	400	395,8
31	Nguyễn Thị Xuân	33	623	380,8
32	Nguyễn Thị Sâm	17	159	314,8

33	Nguyễn Thị Luật	18	163	389,6
34	Nguyễn Thị Mật	18	474	344,9
35	Nguyễn Đức Hải	26	469	339,5
36	Nguyễn Thị Kính	26	595	582,1
37	Nguyễn Bá Việt	32	23	348,4
38	Nguyễn Văn Kiêm	19	534	324,9
39	Vũ Thị Thắng	32	299	319,5
40	Nguyễn Khả Nghệ	33	321	424,1
	Tổng cộng			16.697,2